

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC TỪ VÙNG TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

ThS. NGUYỄN THỊ HIỀN HƯƠNG

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam, tiếng Anh được xem là một ngoại ngữ chính được đưa vào giảng dạy ở các trường đại học trong nhiều năm nay. Môi trường hội nhập quốc tế đòi hỏi sinh viên tốt nghiệp ra trường cần phải có khả năng sử dụng ngoại ngữ nói chung và Anh ngữ nói riêng. Chúng tôi nhận thấy rằng, để sử dụng tốt tiếng Anh, người học cần phải chú trọng nhiều yếu tố như trau dồi vốn từ vựng, nắm vững ngữ pháp, hiểu biết về nền văn hóa các nước, luyện tập và thực hành thường xuyên... Trong đó, từ vựng là một trong những cơ sở chính trong việc tiếp thu ngoại ngữ. Như vậy, vốn từ vựng có thể được xem là nền tảng cơ bản vô cùng cần thiết để sinh viên có thể sử dụng thành thạo các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.

Hiệu quả dạy - học phụ thuộc vào cả hai nhân tố chính: người dạy và người học. Ngoài nỗ lực giảng dạy, trau dồi, đổi mới phương pháp của giáo viên, rất cần có sự cố gắng học tập của sinh viên để có kết quả học tập khả quan. Do đó, thiết nghĩ hơn bao giờ hết cần phải tìm giải pháp cụ thể qua nghiên cứu, khảo sát và đánh giá lại cách dạy và học từ vựng chuyên ngành, cải tiến phương pháp dạy của giảng viên đồng thời giúp sinh viên có những chiến lược học phù hợp và hiệu quả hơn.

2. Thực trạng dạy và học từ vựng chuyên ngành

Chúng tôi đã trao đổi với 8 giáo viên dạy tiếng Anh chuyên ngành của bộ môn Ngoại ngữ và phát 300 phiếu hỏi cho sinh viên để thu thập thông tin về thực trạng dạy và học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành ở cả 3 khối ngành: Xã hội, Bảo hộ lao động và Kinh tế. Căn cứ vào dữ liệu thu được từ các nguồn trên, chúng tôi xin được phân tích về thực trạng dạy và học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành tại trường Đại học Công đoàn như sau:

2.1. Thực trạng dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành của giáo viên

Giáo viên tiếng Anh chuyên ngành của trường

Đại học Công đoàn thường phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong giảng dạy từ vựng chuyên ngành.

* Về đối tượng học

Theo lí thuyết về dạy học ngoại ngữ, người dạy cần phải chú trọng đến yếu tố ngôn ngữ, đến kỹ năng và thái độ học tập của người học. Tuy nhiên một thực tế tồn tại là hầu hết các lớp học tiếng Anh chuyên ngành cũng như các lớp tín chỉ khác đều có số lượng sinh viên đông (trên 40 em) đến từ các vùng miền núi, miền xuôi, thành phố... trên cả nước với trình độ, kỹ năng tiếng Anh không đồng nhất, năng lực học tiếng Anh khá đa dạng, bên cạnh một số ít sinh viên xuất sắc, còn nhiều em có tâm lý ngại học và sợ môn tiếng Anh. Do đó, các giáo viên tiếng Anh phải thường xuyên tìm cách tạo động lực khuyến khích sinh viên học.

Bên cạnh đó, qua thực tế giảng dạy, chúng tôi nhận thấy một số sinh viên thiếu hiểu biết về thuật ngữ chuyên ngành cũng như kiến thức về chuyên ngành ngay cả trong tiếng Việt. Đây là một trở ngại lớn cho họ khi sử dụng từ ngữ tương đương về chuyên ngành ở các văn bản tiếng Anh. Chẳng hạn trong chuyên ngành kinh tế, một số sinh viên thấy khó hiểu về các hiện tượng mới xuất hiện ở Việt Nam trong những năm gần đây như mua và bán chứng khoán (*stockbroking*), tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ (*Non-performing loan ratio, NPL*), cổ phần hóa (*equitization*), hay các vấn đề liên quan đến chính sách tiền tệ (*monetary policy*), chính sách tài khóa (*fiscal policy*), v.v... Hơn nữa, nhiều sinh viên cho biết là các em chưa được học các môn chuyên ngành kinh tế trong tiếng Việt như Thuế, Định giá tài sản,... nên khi học các chủ đề này trong tiếng Anh chuyên ngành kinh tế, các em thấy khó hiểu hoặc hiểu chưa đúng nghĩa của từ mới xuất hiện trong văn bản

* Trường Đại học Công đoàn

“nguồn” và cũng khó tiến đến chỗ chuyển tải sang văn bản “đích” trong dịch thuật từ Anh sang Việt.

Trong chuyên ngành xã hội những khái niệm trừu tượng như sự phân tầng (*stratification*); hệ thống tư pháp (*judiciary*), v.v... một số sinh viên còn chưa giải thích rõ ràng được ngay cả trong tiếng Việt, nên các em thấy rất khó hiểu nghĩa tiếng Anh chính xác. Kiến thức về văn hóa - xã hội của một số sinh viên còn hạn chế cũng ảnh hưởng không ít cho việc tiếp thu, và hiểu thấu đáo các cách sử dụng từ trong bài học về chuyên ngành xã hội. Ví dụ, khi nói về nạn bạo lực gia đình, (*family violence*), tội phạm (*Criminal*) hay hôn nhân đồng tính (*homosexual marriage*), v.v... một số em không biết diễn đạt như thế nào khi tham gia thảo luận về các chủ đề đó vì vốn sống cũng như hiểu biết của các em chưa tích lũy nhiều để bàn về các vấn đề xã hội như vậy. Ở chuyên ngành Bảo hộ có những thuật ngữ chuyên môn đòi hỏi sinh viên có kiến thức về ngành Bảo hộ lao động mới thực sự hiểu sâu sắc được. Chẳng hạn, bên cạnh các khái niệm như *electricity* and *magnetism* (điện và từ) sinh viên có thể tiếp cận dễ dàng được, có những thuật ngữ khó hiểu như *Ergonomics* (Công thái học) sinh viên phải có kiến thức chuyên ngành mới nắm rõ được.

Ngoài kiến thức nền về chuyên ngành, năng lực ngôn ngữ hạn chế ở một số sinh viên cũng là một trong những khó khăn mà giáo viên tiếng Anh luôn phải đối mặt trong giảng dạy từ vựng chuyên ngành. Những sinh viên học chưa tốt ngay từ các học phần tiếng Anh cơ bản sẽ khó bắt kịp với các bạn khác cùng lớp Anh chuyên ngành. Sinh viên phải nắm vững tất cả những vấn đề ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh đã được học ở 3 phần tiếng Anh cơ bản, đồng thời tiếp cận với một khối lượng từ vựng chuyên sâu ở mỗi ngành học. Trong môn tiếng Anh chuyên ngành, kĩ năng đọc - dịch được chú trọng. Đây là một thử thách lớn đối với nhiều sinh viên thi đầu vào là khối A và C. Nhiều em lúng túng khi số lượng từ vựng càng ngày càng nhiều mà thời lượng học càng ngày càng ít đi. Tâm lí sợ học và chán học nẩy sinh dẫn đến những giờ học nặng nề, không có hiệu quả.

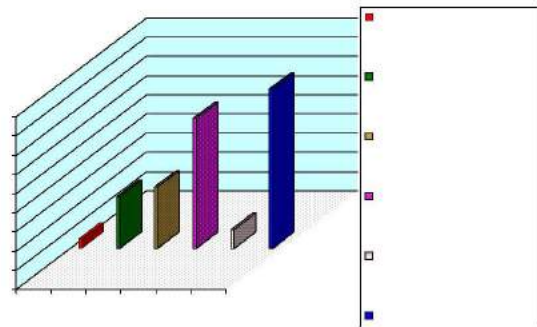
* Phương pháp giảng dạy của giảng viên

Ở câu hỏi khảo sát sinh viên: *Ý kiến của cá nhân bạn về mức độ thường xuyên mà giáo viên của bạn đã và đang sử dụng đối với các thủ thuật dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành?*, kết quả phân tích cho thấy: nhiều giáo viên tiếng Anh chuyên ngành của Bộ môn Ngoại ngữ đã áp dụng phương tiện dạy

học hiện đại như máy chiếu projector với hình ảnh sinh động cho sinh viên hiểu hơn về phần giải thích từ mới qua phần mềm Powerpoint. (93% câu trả lời của sinh viên là giáo viên thường xuyên sử dụng thủ thuật dạy này). Tuy nhiên, bên cạnh các ưu điểm trên, kết quả khảo sát cho thấy điểm hạn chế nổi bật trong cách dạy từ vựng của giáo viên tiếng Anh là khiến sinh viên trở nên phần nào thụ động trong việc học và tiếp thu từ mới. Một kết quả đáng chú ý là 91% ý kiến sinh viên nhận xét: giáo viên tiếng Anh chuyên ngành của họ không bao giờ giao các nhiệm vụ cho sinh viên phát triển vốn từ như: Yêu cầu sinh viên về nhà tìm hiểu về 1 tình huống/ 1 chủ đề sắp học hay viết bài luận hoặc đóng vai để giải quyết vấn đề ngay trên lớp... Giáo viên làm giúp hầu hết phần việc giải thích từ mới, chuyển ngữ tiếng Việt, v.v... Vì vậy sinh viên ít có cơ hội vận dụng sáng tạo và linh hoạt vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành.

2.2. Thực trạng học từ vựng chuyên ngành của sinh viên

Qua phân tích kết quả khảo sát thực trạng học từ vựng của sinh viên, chúng tôi nhận thấy phần lớn sinh viên chưa có phương pháp học từ vựng hiệu quả. Để tìm hiểu về cách tiếp cận từ mới của sinh viên, chúng tôi đã đưa ra câu hỏi 3 trong phiếu Khảo sát: *Bạn thường làm gì khi gặp từ mới trong môn học tiếng Anh chuyên ngành?* Phần trả lời cho câu hỏi này được minh họa trong biểu đồ sau:



Số liệu nổi bật từ biểu đồ trên là chỉ có 5% sinh viên sử dụng kiến thức của họ về cấu tạo từ (phân tích hậu tố, tiền tố, hoặc từ gốc của từ), hoặc tìm từ đồng nghĩa, trái nghĩa. Theo lí thuyết thì đây là những chiến lược tìm nghĩa (*discovery strategies*) để hiểu sâu và làm tăng thêm vốn từ mới nhưng phần lớn sinh viên lại không sử dụng các chiến lược này. Đặc biệt, một con số thống kê đáng chú ý ở đây là chỉ có 10% sinh viên trong nghiên cứu này thường sử dụng kiến thức chuyên ngành nền tảng của mình ở tiếng

Việt cũng như những kinh nghiệm phổ biến để đoán nghĩa của từ trong tiếng Anh. Có đến 68% sinh viên thường yêu cầu các giáo viên giải thích từ mới. Điều đó cho thấy nhiều sinh viên còn thụ động, chưa tích cực trong việc học từ, không ít sinh viên đến lớp mà không chuẩn bị bài mới, ỷ lại quá nhiều vào phần giải đáp của giáo viên. Học từ mới chuyên ngành là một việc không dễ dàng như học từ ở tiếng Anh cơ bản, đòi hỏi sinh viên phải tích lũy dần dần và đôi khi cần phải đánh giá lại cách học từ và rút kinh nghiệm cho bản thân, nhưng theo kết quả điều tra chỉ có 17% sinh viên làm được như vậy.

3. Giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành

Chất lượng dạy và học từ vựng chuyên ngành được quyết định bởi các yếu tố tham gia vào quá trình dạy - học, bao gồm giảng viên và phương pháp dạy học, sinh viên và phương pháp học tập, thái độ, ý thức học tập; điều kiện lớp học; giáo trình; cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy - học, v.v...

3.1. Đối với giảng viên

- Giảng viên cần lấy người học làm trung tâm, quan tâm nhiều hơn đến động lực và phương pháp học của sinh viên.

Từ kết quả khảo sát và từ thực tế giảng dạy, chúng tôi nhận thấy nhiều sinh viên còn chưa chăm chỉ học từ vựng, thậm chí có tư tưởng buông xuôi. Giảng viên dạy tiếng Anh chuyên ngành cần làm rõ cho sinh viên thấy mục tiêu cụ thể và yêu cầu đặt ra của môn học quan trọng và thiết thực này; từng bước nâng cao hứng thú, khơi dậy động cơ tích cực của sinh viên đối với việc học. Ngoài ra, hướng dẫn, tư vấn phương pháp học tập cho sinh viên cũng không kém phần quan trọng. Nhiều sinh viên rất chăm nhưng không biết cách học nên kết quả còn hạn chế. Qua khảo sát lấy ý kiến sinh viên, đa số các em mong muốn giảng viên nên hướng dẫn cho sinh viên về các phương pháp và chiến lược học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành ngay từ đầu kỳ. Giảng viên cũng nên thường xuyên tìm hiểu cách tiếp cận từ vựng nào giúp sinh viên nhớ và vận dụng tốt nhất phù hợp với từng điều kiện riêng của các em. Sinh viên sẽ có động lực học tập tốt hơn trong một môi trường sư phạm vừa thân thiện vừa nghiêm túc. Ngoài việc động viên khuyến khích sinh viên học, giảng viên dạy tiếng Anh chuyên ngành có thể bắt buộc các em phải có ý thức ý học hơn bằng cách dành thời gian kiểm tra hoặc ôn lại từ mới vào đầu hoặc cuối buổi học, gọi lên bảng hoặc cho viết

trên giấy, lấy điểm nhiều lần trong suốt kỳ học rồi tính điểm cộng trung bình thay vì chỉ yêu cầu sinh viên làm 1 bài kiểm tra giữa kỳ. Vì thời lượng bài giảng có hạn, giảng viên nên định hướng cho sinh viên ở trên lớp, giao bài tập thêm về nhà để sinh viên luyện tập. Bên cạnh đó có thể giao các nhiệm vụ cho sinh viên phát triển vốn từ (Ví dụ: yêu cầu sinh viên về nhà tìm hiểu trước về chủ đề / tình huống sắp học; viết bài hoặc đóng vai để giải quyết vấn đề...). Giảng viên nên khuyến khích sinh viên tự chủ động tiếp cận và học từ vựng. Sau đó đến lớp các em có thể nhờ giảng viên giải đáp các thắc mắc để rút kinh nghiệm. Nên cung cấp cho sinh viên danh sách các từ có tần suất sử dụng nhiều nhất để sinh viên học có định hướng hơn khi quỹ thời gian học từ vựng của sinh viên rất hạn chế bởi phải học nhiều môn khác nữa. Về phát âm, theo khảo sát, nhiều sinh viên cho rằng đây là một trở ngại trong việc học từ vựng chuyên ngành và mong muốn giáo viên hướng dẫn nhiều hơn nữa. Vì vậy, trong khoảng thời gian giới hạn trên lớp, giáo viên cố gắng phát âm những từ quan trọng nhất để sinh viên nhắc lại (đặc biệt là đối với sinh viên còn học yếu). Giáo viên nên giới thiệu các đĩa dạy phát âm, các địa chỉ trang web học online cho sinh viên.

- Cải tiến phương pháp dạy từ vựng chuyên ngành

+ Dạy từ mới dựa trên ngữ cảnh: Nếu chỉ giới thiệu một từ riêng lẻ, sinh viên sẽ khó hình dung về nghĩa, cách sử dụng, dạng thức của từ hơn là đưa từ này vào 1 ngữ cảnh chuyên ngành cụ thể. Khi sinh viên khó đoán từ, giáo viên có thể cho thêm dạng bài tập ghép từ, yêu cầu sinh viên nối 1 từ/ thuật ngữ với 1 định nghĩa tương đương. Các định nghĩa này nên chứa những từ mà sinh viên đã được học để các em có thể ôn lại từ cũ trong khi học từ mới:

+ Đoán từ thông qua từ đồng nghĩa, trái nghĩa:

Đây là một trong các cách dạy được đánh giá cao bởi vì sinh viên có thể hưởng lợi nhiều nhất qua cách dạy này. Dùng 1 từ đồng nghĩa hay trái nghĩa mà sinh viên đã biết trước đó để giải thích cho 1 từ mới sẽ giúp sinh viên hiểu nhanh hơn và đồng thời cũng giúp các em củng cố lại vốn từ vựng cũ nhiều hơn. Bên cạnh đó phương pháp dạy từ qua từ đồng nghĩa, trái nghĩa cũng rất hữu hiệu bởi có nhiều từ mới chuyên ngành hoàn toàn khó đoán nghĩa khi dựa trên cấu tạo từ, nhưng lại dễ hiểu khi dựa trên từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa. Ví dụ: *Equities (n) ≈*

stocks/ shares (cổ phần) - trong chuyên ngành kinh tế. *Denomination* (*n*) ≈ *religious group* (nhóm tôn giáo, giáo phái) - thuật ngữ Xã hội học. *Toxic chemicals* (*n*-phrase) ≈ *poisonous chemicals* (hóa chất độc hại) - trong chuyên ngành bảo hộ lao động. *Conducive* > < *Comfortable* (gò bó) > < (thoải mái) - nói về điều kiện làm việc trong Bảo hộ lao động).

+ *Dạy từ mới bằng cách đưa ra ví dụ*

Giáo viên đưa ra một hoặc nhiều ví dụ, sinh viên phải nhóm chúng lại với nhau và tìm ra một từ khái quát nhất. Phương pháp giảng dạy này phát huy khả năng khái quát hoá của sinh viên đồng thời buộc sinh viên phải tư duy logic và sáng tạo.

+ *Sử dụng giáo cụ trực quan:*

Chúng tôi xin đề cập 2 hình thức sử dụng giáo cụ trực quan có thể sử dụng trong giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành:

Dùng vật thật, mẫu thật: Giáo viên có thể mang đến lớp các vật sẵn có tùy theo điều kiện. Cách giới thiệu từ vựng như thế này trong giảng dạy tiếng Anh ở các trường phổ thông khá phổ biến nhưng ở đại học hầu như không được áp dụng. Theo khảo sát 100% sinh viên trả lời là giáo viên tiếng Anh chuyên ngành của họ không bao giờ sử dụng vật mẫu thật để dạy từ mới. Có thể chúng ta cho rằng mang đồ vật đến lớp dạy học rất bất tiện, thay vì đó nên dùng hình ảnh trên máy chiếu projector. Tuy nhiên, hình ảnh trên máy tính không thể tạo ấn tượng mạnh đối với sinh viên như khi họ được tận mắt nhìn thấy vật thật. Cách giới thiệu từ mới này phù hợp với các từ chỉ bộ phận máy móc, mẫu vật, hóa đơn, chứng từ, tờ khai, v.v... Chúng tôi xin đơn cử một bài trong giáo trình tiếng Anh chuyên ngành kinh tế 2 làm ví dụ: Ở bài 1 (Banking), một số từ như Credit card (thẻ tín dụng), cashcard (thẻ rút tiền mặt/ thẻ ATM), standing order (ủy nhiệm chi)... nếu giáo viên mang các loại thẻ, chứng từ trong thực tế đã từng giao dịch với ngân hàng đến lớp để giới thiệu từ mới cho sinh viên. Phương pháp này có thể mang lại hứng thú bất ngờ cho sinh viên.

+ *Dùng video, tranh ảnh, hình ảnh:* Trong các giáo trình tiếng Anh chuyên ngành hiện nay, mới chỉ có chuyên ngành Bảo hộ thường sử dụng các đoạn phim Video đưa vào bài giảng. Chúng tôi nghĩ rằng, giảng viên tiếng Anh các chuyên ngành kinh tế và xã hội có thể làm phong phú các cách giảng dạy từ vựng qua việc tận dụng các tiện ích của công nghệ thông tin như thu âm các đoạn audio từ sóng các chương trình tin tức liên quan đến chuyên ngành

trên Radio hoặc truyền hình trong nước và quốc tế, tải từ Internet các đoạn video liên quan đến nội dung dạy, cung cấp thông tin cập nhật ngay tại lớp qua máy tính xách tay nối mạng trực tuyến, v.v...

3.2. Đối với sinh viên

+ *Hoạt động tự học*

Sự chuẩn bị của cá nhân và hoạt động tự học của sinh viên đóng vai trò quan trọng trong quá trình học. Hơn nữa, đặc thù môn học tiếng Anh, đặc biệt là việc học từ vựng, đòi hỏi sự kiên trì nhẫn nại, chăm chỉ và nỗ lực lớn từ phía người học. Sinh viên nên tự giác học tập, vì qua việc rèn luyện thường xuyên, các em sẽ tự tìm ra cho mình cách học phù hợp nhất với cá nhân mình để đạt tiến bộ hơn ở môn tiếng Anh chuyên ngành nói chung và từ vựng chuyên ngành nói riêng. Trước khi đến lớp các em nên chuẩn bị từ mới, tìm hiểu trước về chủ đề sắp học, như vậy mới có thể đóng góp xây dựng bài và hiểu bài sâu hơn. Sau giờ học sinh viên nên có ý thức tra dồi từ vựng hàng ngày. Mỗi ngày tùy theo điều kiện cá nhân, các em nên dành một khoảng thời gian nhất định cho việc học từ, thay vì chỉ học dồn dập trước khi thi, sẽ không mang lại hiệu quả. Thỉnh thoảng các em nên đánh giá lại việc học từ vựng của mình, để từ đó rút ra kinh nghiệm cho chính bản thân, đồng thời tham khảo bạn bè, nhờ thầy cô tiếng Anh tư vấn về các cách tự học từ vựng. Qua khảo sát, nhiều sinh viên cho biết các em không thể nhớ được từ vựng lâu. Ôn luyện và sử dụng những từ đã học hằng ngày là cách đảm bảo nhất giúp sinh viên tăng khả năng ghi nhớ từ vựng và hạn chế quên từ mới nhất là những từ mới học, bởi vì nếu bạn không luyện tập ngay với từ đó thì có thể chỉ một thời gian ngắn sau bạn lại phải tra từ điển khi gặp lại. Cách ôn tập được tác giả Siriwan, M. (2007) chỉ ra và nhiều người áp dụng thành công là: Ôn lần 1: 10 phút sau khi học. Ôn lần 2: 24 giờ sau khi học. Ôn lần 3: 1 tuần sau khi học. Ôn lần 4: 1 tháng sau khi học.

Sinh viên có thể ôn tập qua việc tiếp xúc với từ vựng bằng nhiều cách khác nhau: đọc những bài viết mà từ vựng đó xuất hiện thường xuyên; tham gia câu lạc bộ tiếng Anh, nghe những đoạn audio nói về chủ đề mà từ vựng đó xuất hiện, với sinh viên chuyên ngành Bảo hộ thì có thể xem lại các video trong giáo trình sau mỗi buổi học... vừa luyện phát âm, vừa có thể củng cố cách dùng từ mới học trên lớp.

+ *Phương pháp và chiến lược học từ*

Chúng tôi xin gợi ý một số phương pháp, chiến lược học hiệu quả cho sinh viên học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành ở cả 3 khối ngành:

+ *Học từ theo ngữ cảnh*

Một trong các cách học từ tốt nhất là học cụm từ, học câu trong văn cảnh. Học từ đơn lẻ không có hiệu quả bằng. Theo Acosta, J. (1981) “cách tra cứu từ vựng dễ nhất và nhanh nhất là đọc nhiều tài liệu. Người học viết lại từ mình chưa biết, đoán nghĩa từ ngữ cảnh, sau đó kiểm tra nghĩa bằng từ điển. Càng đọc nhiều thì người học sẽ mở rộng vốn từ vựng của mình”. Đọc nhiều không chỉ ở các tài liệu dạng văn bản viết, các em có thể mở rộng vốn từ vựng qua mạng internet, nghe radio, v.v...

+ *Phân tích cấu trúc từ*

Cấu trúc hay hình thức của một từ vựng tiếng Anh rất quan trọng vì nó có thể giúp người học nâng cao vốn từ vựng của mình. Để hiểu hết ý nghĩa của một từ mới, ngoài tìm nghĩa tiếng Việt, các em cũng cần phải nhìn vào dạng thức của từ, các từ phát sinh, cũng như xác định các thuộc tính của nó.

+ *Học từ vựng theo hệ thống*

Từ vựng khi được gộp chung theo một hệ thống, hay 1 chủ đề thì việc tiếp thu và vận dụng cũng dễ dàng hơn. Ví dụ, trong chuyên ngành xã hội, hãy học các từ vựng trong chủ đề Healthcare (chăm sóc sức khỏe) như: preventive medicine (thuốc tiêm phòng), diagnosis (chẩn đoán bệnh), medical personnel (nhân viên y tế), socialized (được xã hội hóa), v.v... Trong chuyên ngành kinh tế, chủ đề Sales promotions (khuyến mại) có những từ liên quan như: discount (chiết khấu), price reduction (giảm giá), coupon (phiếu mua hàng giảm giá); free of charge (miễn phí)... Học theo chủ đề như vậy thì, sinh viên sẽ biết phải vận dụng từ mới như thế nào cho phù hợp trong các trường hợp cụ thể.

3.3. Với nhà trường

- Để góp phần cải tiến chất lượng dạy học tiếng Anh chuyên ngành, Nhà trường tạo điều kiện để các giảng viên tích cực học tập nâng cao nghiệp vụ chuyên môn của mình thông qua các khóa tập huấn phương pháp, nâng cao năng lực dạy học ngoại ngữ chuyên ngành, có thể được tổ chức trong và ngoài nước.

- Để tạo phong trào học tập trong sinh viên toàn trường, Nhà trường nên tổ chức các kỳ thi Olympic kiểm tra kiến thức hoặc khả năng xử lý tình huống của sinh viên về các chuyên ngành khác nhau như: Quản trị học, Công tác Xã hội, Bảo hộ lao động... trong đó có các phần thi hùng biện hoặc một số câu hỏi bằng tiếng Anh về chuyên ngành học của các em. Như vậy sẽ khuyến khích các em học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành nhiều hơn.

- Nhà trường cần đảm bảo cho tất cả các sinh viên có thể đăng ký học các môn chuyên ngành trong tiếng Việt trước các chuyên ngành tiếng Anh, tránh tình trạng có những sinh viên ở năm đầu đã đăng ký được học phần Anh chuyên ngành, đến các năm học sau mới học các môn chuyên ngành tiếng Việt. Như chúng tôi đã trình bày, để học hiệu quả môn tiếng Anh chuyên ngành, sinh viên cần phải có kiến thức nền nhất định về chuyên ngành học của họ.

- Nhà trường nên đầu tư hơn nữa về trang thiết bị để dạy - học ngoại ngữ đặc biệt là các phương tiện hỗ trợ giảng dạy như máy cassette chất lượng cao, băng nam châm, băng ghim từ, tấm cards, v.v...

- Để sinh viên chú trọng học tất cả các khía cạnh của từ vựng chuyên ngành, Bộ môn nên đề nghị Nhà trường cho tổ chức thi vấn đáp trong kỳ thi hết học phần tiếng Anh chuyên ngành.

Để có hiệu quả cao trong dạy và học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành, cần phải có sự cố gắng và nỗ lực rất nhiều của cả giảng viên và sinh viên. Bản thân sinh viên phải thay đổi, chuyển sang cách học tích cực và chủ động hơn; cần biết cách kiểm soát việc tự học từ vựng, thường xuyên tự đánh giá tiến bộ của mình đạt được đến đâu và phải có trách nhiệm cao đối với việc học của mình. Với giáo viên, ngoài việc cải tiến phương pháp dạy còn phải biết cách hướng dẫn cho sinh viên tự học.

Với sự hỗ trợ về trang thiết bị, cơ sở vật chất của nhà trường và sự giúp đỡ về chuyên môn của Bộ môn Ngoại ngữ, chúng tôi hy vọng rằng việc dạy và học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên chính quy trường Đại học Công đoàn sẽ có những tiến triển tốt đẹp. □

Tài liệu tham khảo

1. Acosta, J. (ed.) 1981-present *The West Coast Reader*. Langley, BC: BC Ministry of Advanced Education/Capilano College.
2. Mukoroli, J. (2011). Effective vocabulary teaching strategies for the English for academic purposes Esl classroom (*Master of Arts*), Vermont.
3. Nation, E. S. P. (2001). learning vocabulary in another language. *Cambridge: Cambridge University Press*.
4. Nguyen, T.T.H. (2013). *Phương pháp học ngoại ngữ hiệu quả*. Retrieved from <http://tgu.edu.vn/Pages/TGU/TopicDetail/3481>.
5. Siriwan, M. (2007). *English vocabulary learning strategies employed by Rajabhat university students*. (Doctor of philosophy), *English language studies Suranaree University of Technology*.